

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM
LÁ THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/TNS-TCIKT

BRVT, ngày 07 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Thép Tâm Lá Thống Nhất thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TNS
- Địa chỉ: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02543.923.636 Fax: 02543.923.889.
- Email: tnsteel@tnsteel.vn Website: tnsteel.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm :2022
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 07/03/2023 tại đường dẫn: tnsteel.vn/shareholder.php

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.....

- Văn bản giải trình



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Thọ

Số: *M* /TNS-TCKT
V/v: giải trình ý kiến kiểm toán
từ chối đưa ra ý kiến BCTC
năm 2022

Phú Mỹ, ngày 07 tháng 03 năm 2023

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

TNS xin giải trình về ý kiến từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán về các vấn đề liên quan như sau:

- Về chi phí lãi bảo lãnh của Tổng Công Ty Thép Việt Nam- CTCP (VNS), chi phí lãi chậm trả mua hàng của công ty TNHH MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ (PFS), các khoản nợ phải trả đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2022: do tình hình tài chính khó khăn nên TNS đã làm việc với VNS và PFS về kế hoạch trả nợ và việc không tính lãi cho khoản dư nợ vào BCTC năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 và 2022.
- Về các khoản vay đến hạn trả sẽ phải thanh toán trước thời điểm 31/12/2022: do tình hình tài chính của TNS vẫn rất khó khăn, TNS đã nhiều lần làm công văn gửi các đơn vị khoan nợ, giảm lãi suất, giãn thời gian trả nợ. TNS vẫn đang cố gắng duy trì thực hiện trả nợ đúng kế hoạch.
- Về việc đánh giá lại một số công cụ dụng cụ là trực cán thép: nhằm đáp ứng đủ lượng trực cán cho nhu cầu sản xuất trong năm 2021, cũng như lập kế hoạch mua trực tối ưu công ty đã trích lập dự phòng cho sản xuất trong năm 2021. Đến năm 2022 công ty tiến hành đánh giá lượng trực thực tế đã sử dụng cho sản xuất năm 2021 và tiến hành hoàn nhập lượng trực chênh lệch giữa số trích lập và thực tế sử dụng.
- Về việc ghi nhận doanh thu đối với khoản công nợ phải trả theo “Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra”: công ty đã thực hiện xóa nợ đối với khoản nợ phải trả cho công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu theo biên bản xác nhận số liệu kiểm tra của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Các vấn đề khác:

Trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến từ chối đưa ra ý kiến về các vấn đề như:

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel.



2. Các dấu hiệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Các vấn đề khác nêu trên, TNS đã giải trình trong các báo cáo trước đây vì đây là các vấn đề mà kiểm toán chỉ nhắc lại.

Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)



Nguyễn Huy Thọ



Số: 13 /TNS-TCKT

Phú Mỹ, ngày 07 tháng 03 năm 2023

“V/v: giải trình chênh lệch LNST
trên 10% BCKQHĐKD 2022 đã
kiểm toán so với cùng kỳ”

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty CP Thép Tắm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNS) xin giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trên 10% Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 so với năm 2021 là do các nguyên nhân sau:

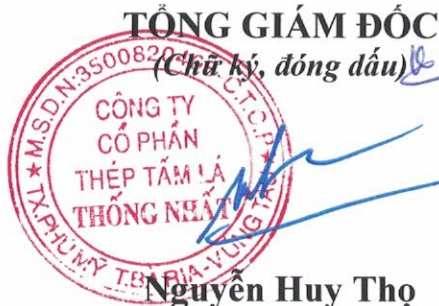
- Thị trường thép thế giới năm 2022 có sự biến động mạnh, khiến thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn dẫn đến sản lượng sản xuất năm 2022 giảm 43% và sản lượng tiêu thụ giảm 43% so với cùng kỳ.
- Nhu cầu thị trường không mấy tích cực bên cạnh đó nguồn cung dồi dào, hàng tồn kho còn nhiều, xuất khẩu suy yếu.... dẫn đến giá thép thị trường giảm. Theo đó, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 928 tỷ tương đương giảm 60% đồng thời kéo theo lợi nhuận gộp giảm 26 tỷ tương đương giảm 53% so với cùng kỳ năm trước.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên dẫn đến LNST năm 2022 của TNS giảm hơn 10% so với cùng kỳ.

Xin trân trọng và cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Chữ ký, đóng dấu)

Nguyễn Huy Thọ

Số: 12 /TNS-TCKT

Phú Mỹ, ngày 07 tháng 03 năm 2023

“V/v: giải trình chênh lệch
LNST BCTC năm 2022 trước
và sau kiểm toán từ 5% trở
lên.”

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Căn cứ thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công Ty CP Thép Tâm Lá Thống Nhất (TNS) đã được soát xét bởi Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

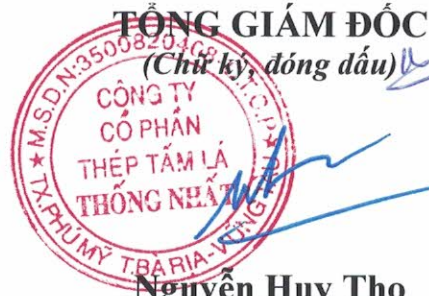
TNS xin giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên như sau:

- Kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2022 tăng 106 triệu dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm tương đương 5% so với trước kiểm toán. Trên đây là giải trình của TNS về báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được kiểm toán.

Trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TCKT.



Nguyễn Huy Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07-33
Bảng cân đối kế toán	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Lê Việt	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Nguyễn Huy Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Lại Văn Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Bùi Vĩnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 13/04/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thúy Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm 06/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm 06/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam


- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 02 năm 2023

Số: 080323.002/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

1. Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP và chi phí lãi chậm trả với Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel. Căn cứ theo lãi suất quy định trên hợp đồng và dư nợ, số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến 31/12/2022 là 50,1 tỷ VND (Trong đó số tiền lãi vay và lãi chậm trả lũy kế đến 01/01/2022 là 48,54 tỷ VND). Điều này dẫn đến trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022, chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" (Mã số 315) đang phản ánh thiếu và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (Mã số 421) đang phản ánh thừa với cùng số tiền lần lượt là 50,1 tỷ VND và 48,54 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và năm 2021 chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (Mã số 21) đang phản ánh thiếu số tiền lần lượt là 1,57 tỷ VND và 7,08 tỷ VND và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50) đang phản ánh thừa số tiền tương ứng.

2. Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện đánh giá lại giá trị của một số công cụ dụng cụ là trục cán thép đã phân bổ hết giá trị và theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn. Điều này dẫn đến, khoản mục Chi phí trả trước ngắn hạn đã phát sinh tăng và các chỉ tiêu giá vốn trong kỳ giảm và tổng lợi nhuận tăng tương ứng với tổng số tiền là 8,4 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ thủ tục kiểm toán, không thể xác định được tính hợp lý và tính chính xác của việc đánh giá lại giá trị của các trục cán thép này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với các số liệu trên Báo cáo tài chính cho các chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn, Giá vốn hàng bán và các khoản mục có liên quan trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

3. Tại ngày 31/12/2022, tổng số nợ phải trả đã quá hạn thanh toán là 209,674 tỷ VND (tại 01/01/2022 là 218,34 tỷ VND), nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 151,16 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 160,76 tỷ VND), hệ số khả năng thanh toán nhanh là 0,11 (tại ngày 01/01/2022 là 0,15), lỗ lũy kế là 164,73 tỷ (tại ngày 01/01/2022 là 164,99 tỷ), nợ phải trả gấp 8,5 lần vốn chủ sở hữu (tại ngày 01/01/2022 là 9,6 lần), lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của Công ty đang âm 7,5 tỷ. Công ty chưa đạt được thỏa thuận mới đáng kể nào về việc giãn nợ. Do đó, Công ty sẽ chưa thể thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các khoản vay đến hạn trong điều kiện hoạt động như hiện tại. Các dấu hiệu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

4. Theo "Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra" của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 08 tháng 08 năm 2022, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu đối với khoản công nợ phải trả cho Công ty TNHH Việt Nam Osaka Fuji với số tiền 684 triệu. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ thủ tục kiểm toán, không thể xác định được tính hợp lý và tính chính xác của việc ghi nhận thu nhập này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với các số liệu trên Báo cáo tài chính cho các chỉ tiêu Thu nhập khác và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2023

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		87.417.028.761	113.144.011.315
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.975.732.026	31.557.424.846
111	1. Tiền		1.783.650.600	24.640.233.591
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.192.081.426	6.917.191.255
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.702.929.157	9.007.175.517
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	385.955.890	2.900.249.614
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	271.419.770	3.546.343.006
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.045.553.497	2.560.582.897
140	IV. Hàng tồn kho	7	60.195.662.927	71.814.908.142
141	1. Hàng tồn kho		60.195.662.927	71.814.908.142
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.542.704.651	764.502.810
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	519.518.340	746.332.601
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		235.643.823	18.170.209
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	787.542.488	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		256.027.589.321	266.469.241.122
220	II. Tài sản cố định		221.694.215.659	246.769.154.431
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	221.694.215.659	246.769.154.431
222	- Nguyên giá		543.529.900.407	543.376.691.407
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(321.835.684.748)	(296.607.536.976)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		34.333.373.662	19.700.086.691
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	34.333.373.662	19.700.086.691
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		343.444.618.082	379.613.252.437

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		307.407.688.086	343.833.785.655
310	I. Nợ ngắn hạn		238.577.198.120	273.903.295.689
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	60.522.098.795	90.970.030.165
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		233.756.952	131.829.468
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	-	4.350.567.342
314	4. Phải trả người lao động		1.164.747.398	5.779.727.151
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	21.529.531.785	16.455.073.590
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	91.200.328.260	87.552.262.983
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	63.817.285.763	68.554.355.823
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		109.449.167	109.449.167
330	II. Nợ dài hạn		68.830.489.966	69.930.489.966
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	68.830.489.966	69.930.489.966
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		36.036.929.996	35.779.466.782
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	36.036.929.996	35.779.466.782
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		764.439.744	769.839.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(164.727.509.748)	(164.990.372.962)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(164.990.372.962)	(196.897.662.371)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		262.863.214	31.907.289.409
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		343.444.618.082	379.613.252.437

Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	624.702.679.255	1.552.737.315.359
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	69.998.160	514.895.740
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		624.632.681.095	1.552.222.419.619
11	4. Giá vốn hàng bán	19	602.199.311.279	1.504.185.321.579
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.433.369.816	48.037.098.040
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	498.293.964	1.162.430.271
22	7. Chi phí tài chính	21	11.406.090.868	217.219.614
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.952.654.624	(947.301.130)
25	8. Chi phí bán hàng	22	1.415.834.317	2.832.860.111
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	8.560.628.856	9.964.939.587
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.549.109.739	36.184.508.999
31	11. Thu nhập khác	24	789.084.740	336.599.284
32	12. Chi phí khác	25	1.310.539.791	1.587.867.823
40	13. Lợi nhuận khác		(521.455.051)	(1.251.268.539)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.027.654.688	34.933.240.460
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	764.791.474	3.025.951.051
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>262.863.214</u>	<u>31.907.289.409</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	13	1.595

Đỗ Thị Thu Phương
Người lậpTrần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởngNguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

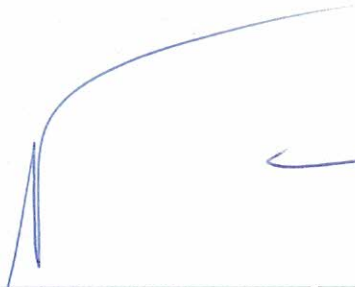
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.027.654.688	34.933.240.460
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		25.228.147.772	25.595.879.876
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.440.724.162	(788.181.363)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(483.663.969)	(288.290.518)
06	- Chi phí lãi vay		8.952.654.624	(947.301.130)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.165.517.277	58.505.347.325
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.965.282.738	14.646.847.838
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.619.245.215	(1.279.029.441)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(32.918.804.660)	(21.706.091.332)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(14.406.472.710)	1.842.114.485
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.835.334.097)	(195.772.643)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.896.304.235)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.400.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(312.270.472)	51.813.416.232
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(153.209.000)	(2.007.525.710)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		483.663.969	301.110.240
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		330.454.969	(1.706.415.470)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(7.600.002.640)	(29.944.049.630)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.600.002.640)	(29.944.049.630)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2022


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.581.818.143)	20.162.951.132
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.557.424.846	11.394.473.714
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		125.323	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>23.975.732.026</u>	<u>31.557.424.846</u>


Đỗ Thị Thu Phương
Người lập


Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 3500820408 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 11 năm

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 90 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2022, lỗ lũy kế của Công ty là 164,73 tỷ VND, số nợ phải trả quá hạn thanh toán là 209,674 tỷ VND, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 151,16 tỷ VND. Tuy nhiên, các khoản nợ vay với các đơn vị trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có đủ khả năng trả nợ. Các hợp đồng sản xuất và gia công vẫn đảm bảo cho Công ty huy động đủ nguồn vốn để thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục là phù hợp.

Trong năm, do ảnh hưởng của thị trường thép như giá sắt thép đi xuống, nhu cầu nhập khẩu sắt thép trên toàn thế giới giảm mạnh đã khiến Công ty giảm sản lượng bán cho cho các nhà xuất khẩu. Do đó doanh thu Công ty giảm 59,77% kéo theo lợi nhuận gộp giảm 53,30%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trực cán thép thực hiện phân bổ theo tiêu thức tiêu hao bán kính trực sử dụng thực tế trong kỳ so với tổng bán kính trực sử dụng hiệu quả;
- Chi phí sửa chữa lớn và chi phí sửa chữa trực cán, chi phí công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các loại chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 ngày 20/09/2007, Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động tính từ năm 2009 đến năm 2020, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thời gian được miễn thuế 3 năm là năm 2013, năm 2014 và năm 2015; Thời gian được giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm từ năm 2016 đến năm 2022.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	423.294.423	476.603.890
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.360.356.177	24.163.629.701
Các khoản tương đương tiền ^(*)	22.192.081.426	6.917.191.255
	<u>23.975.732.026</u>	<u>31.557.424.846</u>

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 22.192.081.426 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu với lãi suất 4,6%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	-	-	2.860.288.714	-
Công ty Cổ phần Kim khí Nam Hưng	311.321.835	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	74.634.055	-	39.960.900	-
	<u>385.955.890</u>	<u>-</u>	<u>2.900.249.614</u>	<u>-</u>

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết bị Ecco Roller Global Co.ltd Powermax Coporation	-	-	968.340.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Động lực Servo	176.704.770	-	-	-
Trả trước khác	94.715.000	-	486.684.046	-
	<u>271.419.770</u>	<u>-</u>	<u>3.546.343.006</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	11.163.719	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	41.029.315	-	52.486.286	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	3.814.925	-	3.814.925	-
Tạm ứng	72.000.000	-	87.218.696	-
Ký cược, ký quỹ	871.719.000	-	2.332.857.881	-
Phải thu khác	56.990.257	-	73.041.390	-
	1.045.553.497	-	2.560.582.897	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Quaker Chemical .Ltd	-	-	1.501.857.881	-
Tổng Công ty Điện lực miền Nam - TNHH	871.719.000	-	831.000.000	-
Phải thu đối tượng khác	173.834.497	-	227.725.016	-
	1.045.553.497	-	2.560.582.897	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	60.147.675.591	-	70.483.423.642	-
Công cụ, dụng cụ	47.987.336	-	23.188.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1.308.296.500	-
	60.195.662.927	-	71.814.908.142	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHÁT

Báo cáo tài chính

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	75.282.501.594	446.638.142.360	19.925.625.063	1.530.422.390	543.376.691.407
- Tăng khác	-	-	-	153.209.000	153.209.000
Số dư cuối kỳ	75.282.501.594	446.638.142.360	19.925.625.063	1.683.631.390	543.529.900.407
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	23.021.437.610	252.491.779.179	19.917.140.286	1.177.179.901	296.607.536.976
- Khấu hao trong kỳ	1.944.679.528	23.170.537.264	8.484.777	104.446.203	25.228.147.772
Số dư cuối kỳ	24.966.117.138	275.662.316.443	19.925.625.063	1.281.626.104	321.835.684.748
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	52.261.063.984	194.146.363.181	8.484.777	353.242.489	246.769.154.431
Tại ngày cuối kỳ	50.316.384.456	170.975.825.917	-	402.005.286	221.694.215.659

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 219.382.285.420 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.547.220.590 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	519.518.340	456.999.806
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	289.332.795
	<u>519.518.340</u>	<u>746.332.601</u>
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	12.553.558.861	7.728.144.859
Trục cán thép và phụ tùng trục cán	21.779.814.801	11.971.941.832
	<u>34.333.373.662</u>	<u>19.700.086.691</u>

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	39.653.673.636	39.653.673.636	42.103.673.636	42.103.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	15.135.810.339	15.135.810.339	20.235.810.339	20.235.810.339
	<u>54.789.483.975</u>	<u>54.789.483.975</u>	<u>62.339.483.975</u>	<u>62.339.483.975</u>
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Kim khí Nam Hưng	-	-	22.762.521.194	22.762.521.194
Phải trả nhà cung cấp khác	5.732.614.820	5.732.614.820	5.868.024.996	5.868.024.996
	<u>5.732.614.820</u>	<u>5.732.614.820</u>	<u>28.630.546.190</u>	<u>28.630.546.190</u>
	<u>60.522.098.795</u>	<u>60.522.098.795</u>	<u>90.970.030.165</u>	<u>90.970.030.165</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh - Vnsteel	39.653.673.636	39.653.673.636	42.103.673.636	42.103.673.636
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	15.135.810.339	15.135.810.339	20.235.810.339	20.235.810.339
	<u>54.789.483.975</u>	<u>54.789.483.975</u>	<u>62.339.483.975</u>	<u>62.339.483.975</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	412.872.294	7.387.670.361	7.800.542.655	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.465.460.281	764.791.474	4.896.304.235	666.052.480	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	98.105.066	223.545.366	443.140.440	121.490.008	-
Các loại thuế khác	-	-	56.789.518	56.789.518	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	374.129.701	105.952.270	480.081.971	-	-
	-	4.350.567.342	8.538.748.989	13.676.858.819	787.542.488	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay (*)	21.252.987.885	16.135.667.358
- Chi phí phải trả khác	276.543.900	319.406.232
	<u>21.529.531.785</u>	<u>16.455.073.590</u>

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, toàn bộ chi phí lãi vay là lãi vay phải trả Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt chưa quá hạn thanh toán. Số liệu này được xác định dựa trên số dư nợ gốc và lãi suất đối với từng hợp đồng vay.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	12.781.481	-
- Bảo hiểm y tế	1.955.723	1.955.723
- Phải trả lãi vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (**)	16.982.253.482	17.167.060.944
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	16.048.186.496	16.804.081.880
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (**)	24.752.565.206	20.188.142.638
- Lãi chậm trả công nợ Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	10.777.915.506	10.777.915.506
- Lãi chậm trả công nợ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Lãi chậm trả công nợ Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12.347.582.441	12.347.582.441
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	118.212.112	106.648.038
	<u>91.200.328.260</u>	<u>87.552.262.983</u>
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Lãi vay chậm trả	57.783.005.184	54.159.285.462
- Lãi chậm trả công nợ	33.284.373.760	33.284.373.760
	<u>91.067.378.944</u>	<u>87.443.659.222</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	35.530.480.712	30.966.058.144
- Công ty Cổ phần Kim khí Tp.Hồ Chí Minh - Vnsteel	10.158.875.813	10.158.875.813
- Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	12.347.582.441	12.347.582.441
	<u>58.036.938.966</u>	<u>53.472.516.398</u>

(**) Tại thời điểm 31/12/2022, toàn bộ lãi vay phải trả là các khoản lãi vay đã quá hạn thanh toán bắt đầu từ thời điểm 2009 đến nay. Số dư nợ gốc và lãi suất căn cứ theo Biên bản xác nhận công nợ và xác nhận của ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	68.554.355.823	68.554.355.823	-	4.737.070.060	63.817.285.763	63.817.285.763
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	68.554.355.823	68.554.355.823	-	4.737.070.060	63.817.285.763	63.817.285.763
	68.554.355.823	68.554.355.823	-	4.737.070.060	63.817.285.763	63.817.285.763
b) Vay dài hạn						
- Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) ⁽¹⁾	68.554.355.823	68.554.355.823	-	4.737.070.060	63.817.285.763	63.817.285.763
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ⁽²⁾	69.930.489.966	69.930.489.966	-	1.100.000.000	68.830.489.966	68.830.489.966
	138.484.845.789	138.484.845.789	-	5.837.070.060	132.647.775.729	132.647.775.729
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(68.554.355.823)	(68.554.355.823)	-	(4.737.070.060)	(63.817.285.763)	(63.817.285.763)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	69.930.489.966	69.930.489.966			68.830.489.966	68.830.489.966

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẮM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VFC) bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:

(a) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 và CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000 USD;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.067.410 USD, tương đương với 49.059.639.300 VND; toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(b) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư dự án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu tư dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
- + Thời hạn của hợp đồng: 108 tháng;
- + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của Ngân hàng Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 14.757.646.463 VND, toàn bộ số nợ này đều đã đến hạn trả;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc dự án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.

(2) Khoản vay phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP do Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 68.830.489.966 đồng.

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	63.817.285.763	16.982.253.482	68.554.355.823	17.167.060.944
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	24.752.565.206	-	20.188.142.638
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	16.048.186.496	-	16.804.081.880
	63.817.285.763	57.783.005.184	68.554.355.823	54.159.285.462

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (1)	68.830.489.966	20.188.142.638	69.930.489.966	20.188.142.638
	<u>68.830.489.966</u>	<u>20.188.142.638</u>	<u>69.930.489.966</u>	<u>20.188.142.638</u>
Mối quan hệ: (1) Cổ đông lớn				

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
		VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	200.000.000.000	769.839.744	(196.897.662.371)	3.872.177.373
Lãi trong kỳ trước	-	-	31.907.289.409	31.907.289.409
Số dư cuối kỳ trước	<u>200.000.000.000</u>	<u>769.839.744</u>	<u>(164.990.372.962)</u>	<u>35.779.466.782</u>
Số dư đầu kỳ này	200.000.000.000	769.839.744	(164.990.372.962)	35.779.466.782
Lãi trong kỳ này	-	-	262.863.214	262.863.214
Giảm khác	-	(5.400.000)	-	(5.400.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>200.000.000.000</u>	<u>764.439.744</u>	<u>(164.727.509.748)</u>	<u>36.036.929.996</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	31,25	62.494.810.000	31,25	62.494.810.000
Công ty Tôn Phương Nam	5,00	10.000.000.000	5,00	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	7,00	14.000.000.000	7,00	14.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	6,00	11.999.090.000	6,00	11.999.090.000
Cổ đông khác	43,75	87.506.100.000	43,75	87.506.100.000
	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>200.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
d) Cổ phiếu		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>20.000.000</u>	<u>20.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>20.000.000</u>	<u>20.000.000</u>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	764.439.744	769.839.744
	<u>764.439.744</u>	<u>769.839.744</u>
16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Tài sản thuê ngoài		
Công ty có hợp đồng thuê đất số 10/HĐ/TLĐ/IZICO ngày 20/03/2008 và phụ lục hợp đồng số 86/PLHĐ/TLĐ/IZICO ngày 01/04/2013 tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I để sử dụng với mục đích làm trụ sở văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 22.400 m ² , thời hạn thuê là 01/01/2008 đến 01/01/2048. Số tiền phải trả về tiền thuê đất và tiền duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng là 36.960 USD/năm.		
b) Ngoại tệ các loại		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	201,16	204,62
17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	515.119.850.254	1.399.397.520.612
Doanh thu bán phế liệu	29.498.534.864	44.465.242.931
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	79.891.794.137	108.874.551.816
Doanh thu cho thuê kho	192.500.000	-
	<u>624.702.679.255</u>	<u>1.552.737.315.359</u>
	<u>313.858.058.105</u>	<u>274.780.651.949</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31</i>)		
18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	69.998.160	514.895.740
	<u>69.998.160</u>	<u>514.895.740</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	510.244.742.908	1.383.659.138.116
Giá vốn bán phế liệu	27.748.812.513	39.670.415.526
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	64.205.755.858	80.855.767.937
	602.199.311.279	1.504.185.321.579

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	35.185.775.069	9.144.844.970
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31)</i>		

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	483.663.969	288.290.518
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.629.995	85.958.390
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	788.181.363
	498.293.964	1.162.430.271

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.952.654.624	6.224.026.622
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	12.712.082	74.228.425
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.440.724.162	-
Khoản lãi tiền vay được giảm theo thỏa thuận trả nợ cho chủ nợ	-	(7.171.327.752)
Khoản phạt lãi chậm thanh toán	-	1.090.292.319
	11.406.090.868	217.219.614

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.417.100	3.727.740
Chi phí nhân công	1.397.106.993	2.806.833.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.310.224	22.299.363
	1.415.834.317	2.832.860.111

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	320.790.922	176.848.585
Chi phí nhân công	3.655.889.770	5.276.964.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.757.193	103.045.514
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	7.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.879.042.892	2.129.229.949
Chi phí khác bằng tiền	2.579.148.079	2.271.850.834
	8.560.628.856	9.964.939.587

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền bán phế liệu	32.374.800	12.054.000
Tiền bồi thường bảo hiểm	10.728.000	-
Xử lý khoản công nợ lâu năm không còn đối tượng chi trả	684.607.000	322.631.034
Thu nhập khác	61.374.940	1.914.250
	789.084.740	336.599.284

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu nộp thuế	146.043.822	1.093.322.226
Thù lao HĐQT và BKS	301.500.000	168.750.000
Chi phí không đủ hóa đơn, chứng từ	862.995.969	325.795.597
	1.310.539.791	1.587.867.823

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.027.654.688	34.933.240.460
Các khoản điều chỉnh tăng	1.009.039.791	1.596.145.288
- Chi phí không hợp lệ	1.009.039.791	1.596.145.288
Các khoản điều chỉnh giảm	(684.607.000)	(6.269.875.240)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(4.847.244.206)
- Các khoản đã được tính vào thu nhập tính thuế năm trước	(684.607.000)	(1.422.631.034)
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.352.087.479	30.259.510.508
Tỷ lệ thuế TNDN được miễn giảm	50%	50%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	135.208.748	3.025.951.051

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THỐNG NHẤT

KCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	629.582.726	439.509.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.465.460.281	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.896.304.235)	-
Thuế TNDN phải nộp/ phải thu cuối kỳ	(666.052.480)	3.465.460.281

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	262.863.214	31.907.289.409
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	262.863.214	31.907.289.409
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	1.595

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	463.856.438.275	1.408.693.093.521
Chi phí nhân công	15.654.834.079	26.817.447.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.228.147.772	25.595.879.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.990.124.039	36.045.956.011
Chi phí khác bằng tiền	3.015.516.440	10.579.011.860
	562.745.060.605	1.507.731.388.725

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.975.732.026	-	-	23.975.732.026
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.431.509.387	-	-	1.431.509.387
	<u>25.407.241.413</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.407.241.413</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.557.424.846	-	-	31.557.424.846
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.460.832.511	-	-	5.460.832.511
	<u>37.018.257.357</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>37.018.257.357</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	63.817.285.763	68.830.489.966	-	132.647.775.729
Phải trả người bán, phải trả khác	151.722.427.055	-	-	151.722.427.055
Chi phí phải trả	21.529.531.785	-	-	21.529.531.785
	<u>237.069.244.603</u>	<u>68.830.489.966</u>	<u>-</u>	<u>305.899.734.569</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	68.554.355.823	69.930.489.966	-	138.484.845.789
Phải trả người bán, phải trả khác	178.522.293.148	-	-	178.522.293.148
Chi phí phải trả	16.455.073.590	-	-	16.455.073.590
	<u>263.531.722.561</u>	<u>69.930.489.966</u>	<u>-</u>	<u>333.462.212.527</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Là công ty có 100% vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
Công ty Tôn Phương Nam	(i)
Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel	(ii)

(i) Ông Lê Việt - Ủy viên HĐQT Công ty đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam.

(ii) Ông Lại Văn Quyền - Ủy viên HĐQT Công ty đồng thời là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim khí Tp. Hồ Chí Minh - Vnsteel.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THỐNG NHẤTKCN Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	313.858.058.105	274.780.651.949
Công ty Tôn Phương Nam	295.609.781.790	268.708.498.076
Công ty TNHH MTV thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel	18.248.276.315	6.072.153.873
Mua hàng hóa dịch vụ	35.185.775.069	9.144.844.970
Công ty TNHH MTV thép Tâm lá Phú Mỹ - Vnsteel	35.185.775.069	9.144.844.970

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Ông Trần Ngọc Tuấn	48.600.000	36.450.000
Ông Lê Việt	32.400.000	24.300.000
Bà Trần Thanh Hương	36.000.000	27.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	32.400.000	24.300.000
Ông Lại Văn Quyền	32.400.000	24.300.000
Ông Nguyễn Huy Thọ	465.100.111	420.193.101
Bà Lê Thúy Trinh	94.170.230	186.759.883
Ông Triệu Anh Vũ	24.000.000	-
Bà Huỳnh Thị Lệ Nga	-	7.200.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	21.600.000	16.200.000
Ông Nguyễn Trường Hải	181.267.520	143.085.019
	Chuyên viên P.HCNS	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đỗ Thị Thu Phương
Người lập

Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Thọ
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 02 năm 2023